

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 09-4-2021
V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lã Ngọc Tường;
2. Bà Đỗ Thị Vân Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST-DS ngày 21/8/2020 về “Tranh chấp thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 22/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1948;

Là người giám hộ của chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1984 do chị L bị mất năng lực hành vi dân sự.

Địa chỉ: Khu 13, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty Luật TNHH H,

Địa chỉ: Tầng 7, SN 31, V, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH H: Anh Lê H, giám đốc Công ty Luật TNHH H (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 27/4/2020).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1961;

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965;

Đều có địa chỉ: Tổ 29, khu 11, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1956 - luật sư Văn phòng luật sư Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Số 1061, đường H, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn O, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Khu 13, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh O: Công ty Luật TNHH H,

Địa chỉ: Tầng 7, SN 31, V, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH H: Anh Lê H, sinh năm: 1984, giám đốc Công ty Luật TNHH H (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/11/2019).

- Chị Bùi Thị L, sinh năm: 1961;

Địa chỉ: Số nhà 548, đường H, khu 11, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1961;

Địa chỉ: Tổ 29, khu 11, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy ủy quyền ngày 27/5/2020).

- UBND thành phố Việt Trì;

Địa chỉ: SN 1166, đại lộ H, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh S, Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc L, sinh năm: 1978, Phó phòng Tài nguyên môi trường thành phố Việt Trì (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/7/2020);

- UBND phường Th;

Địa chỉ: Đường N, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hữu K, Chủ tịch UBND phường Th.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh T, sinh năm: 1968, Phó Chủ tịch UBND phường Th (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/7/2020).

(UBND thành phố Việt Trì và UBND phường Th có đơn xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử; bà Th, anh H, anh N, chị H, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn K kết hôn năm 1983, ly hôn năm 1989. Trước khi kết hôn với bà Th, ông K có 01 người vợ trước bà Th không biết tên (đã chết) và có với nhau 02 (Hai) con chung là anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1961 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1963. Quá trình ông K và bà Th chung sống đã có với nhau 02 (Hai) người con chung là chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1984 và anh Nguyễn Văn O, sinh năm: 1987. Khi ông K và bà Th ly hôn, ông bà đã thỏa thuận và được Tòa án ra Quyết định công nhận thỏa thuận về phần tài sản chung, con chung, công nợ chung. Theo đó ông K được quyền sử dụng thửa đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và nuôi dưỡng chị Nguyễn Thị L. Năm 2019 ông K chết không để lại di chúc gì, bà Th được biết thửa đất của ông K hiện đã tách làm 02 (Hai) trong đó: 01 (Một) thửa đứng tên ông K và 01

(Một) thửa đứng tên hộ bà Bùi Thị L (vợ chồng anh Nguyễn Văn N). Bà cho rằng thửa đất đứng tên vợ chồng anh N do vợ chồng anh N tự ý sang tên nên bà xác định ông K có khối tài sản để lại là: Thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích 68,7m² hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và thửa đất số 169, tờ bản đồ 49, diện tích 80,2m² hiện đứng tên hộ bà Bùi Thị L trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi ông K chết, do chị L bị mất năng lực hành vi dân sự nên bà đã đưa chị L về ở với bà để tiện chăm sóc, toàn bộ khối tài sản của ông K để lại hiện vợ chồng anh N đang quản lý và sử dụng. Theo Quyết định số 07 ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì bà là người giám hộ của chị L nên bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ chia thừa kế khối tài sản do ông K để lại và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Bùi Thị L theo pháp luật.

Bị đơn có lời khai:

Anh Nguyễn Văn N xác định: Ông Nguyễn Văn K có 02 (Hai) vợ là bà Phạm Thị Việt (chết năm 1975) và bà Nguyễn Thị Th (kết hôn sau khi bà Việt chết). Quá trình chung sống ông K, bà Việt, bà Th có với nhau 03 (Ba) người con chung là: Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị L, riêng anh Nguyễn Văn O thì anh N cho rằng không phải là con của ông K, vì khi ông K còn sống bà Th đã làm thủ tục xác định bố đẻ cho anh O là ông Nguyễn Văn Báo. Nay bà Th thay mặt chị L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế khối tài sản của ông K để lại anh N cũng đồng ý chia, tuy nhiên anh cho rằng anh O không phải là con của ông K nên anh O không có quyền được hưởng thừa kế. Mặt khác, anh N cũng xác định: Khi ông K còn sống đã cho vợ chồng anh sở hữu một phần đất của ông K, vợ chồng anh đã làm thủ tục hợp lệ và được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 169, tờ bản đồ 49, diện tích 80,2m² ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ hiện đứng tên hộ bà Bùi Thị L trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất này, ngay sau khi được ông K cho vợ chồng anh đã xây dựng nhà cửa và sinh sống ổn định trên đó cho đến nay, không có ai tranh chấp gì do đó anh xác định đây là phần tài sản của vợ chồng anh, không phải là tài sản của ông K nữa nên không thể chia thừa kế được. Anh đồng ý chia thừa kế đối với phần đất còn lại của ông K là thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích 68,7m² hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Mặc dù khối tài sản này vợ chồng anh đang quản lý, gìn giữ từ khi ông K chết đến nay song nếu chia thừa kế thì vợ chồng anh không yêu cầu các thừa kế phải thanh toán công sức tôn tạo, gìn giữ cho vợ chồng anh. Anh có nguyện vọng xin được sở hữu nhà, đất để làm nơi thờ cúng và thanh toán cho các thừa kế khác giá trị phần thừa kế của họ được hưởng theo quy định. Đối với phần thừa kế của chị H được hưởng cho anh, anh xin nhận và tự nguyện chịu toàn bộ các án phí, lệ phí và chi phí tố

tụng đối với phần thừa kế của chị H theo quy định.

Chị Nguyễn Thị H: Nhất trí với toàn bộ lời khai của anh N đồng thời chị H có quan điểm: Khối tài sản thừa kế mà ông K để lại, phần chị được hưởng bao nhiêu thì chị cho anh N được toàn quyền quản lý và sử dụng, anh N không có nghĩa vụ phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có lời khai:

Anh Nguyễn Văn O và người đại diện theo ủy quyền của anh O xác định: Nguồn gốc thửa đất, số con chung của ông K, bà Việt và bà Th đúng như bà Th trình bày. Tuy nhiên anh O xác định phần đất chia thừa kế của ông K chỉ là thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích 68,7m² hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Nay, anh O đề nghị Tòa án chia thừa kế thửa đất này theo pháp luật, phần thừa kế anh được hưởng anh tự nguyện cho chị Nguyễn Thị L được quản lý và sử dụng, chị L không có nghĩa vụ phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh O.

Đối với việc anh N và chị H cho rằng anh không phải là con của ông K thì anh không đồng ý vì anh cho rằng: Anh là con trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Th và ông K nên anh đương nhiên là con của ông K, do đó anh cũng có quyền được hưởng thừa kế theo quy định.

Chị Bùi Thị L và người đại diện theo ủy quyền của chị L có quan điểm: Nhất trí với toàn bộ lời khai của anh N, chị H và không có ý kiến bổ sung gì. Đối với phần công sức đã đóng góp trên thửa đất của ông K, chị L cũng không yêu cầu các thừa kế phải thanh toán cho chị và anh N.

Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì và người đại diện theo ủy quyền có quan điểm: Việc cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Văn K và hộ bà Bùi Thị L được thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai nên đề nghị Tòa giữ nguyên GCNQSD đất đã cấp.

Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố Việt Trì và người đại diện theo ủy quyền có quan điểm: Trình tự thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Văn K và hộ bà Bùi Thị L được thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai nên đề nghị Tòa giữ nguyên GCNQSD đất đã cấp.

Ngày 30/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ban hành Quyết định số: 03/2020/QĐ-CHSVA về việc chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 03/8/2020, Công ty Luật TNHH H (đại diện là anh Lê H) là người nhận ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có Đơn khiếu nại đối với Quyết định số: 03/2020/QĐ-CHSVA ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ với nội dung: Quyết định chuyển hồ sơ vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã không viện dẫn các căn cứ pháp lý để làm rõ về việc chuyển hồ sơ giải quyết vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì và

hoàn toàn có đủ căn cứ để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Bùi Thị L. Đồng thời tại đơn khiếu nại đã đề nghị: Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số: 03/2020/QĐ-CHSVA ngày 30/7/2020 theo thủ tục giải quyết khiếu nại và đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét, kiến nghị đối với Quyết định này.

Tại Quyết định số: 01/2020/QĐ-TA ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định: Không chấp nhận khiếu nại của Công ty Luật TNHH H. Giữ nguyên quyết định chuyển hồ sơ vụ án dân sự số: 03/2020/QĐ-CHSVA ngày 30/7/2020 và giao Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi Quyết định được ban hành, các đương sự không ai có ý kiến gì đối với Quyết định này do đó vụ án đã được chuyển đến Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì thụ lý, giải quyết.

Ngày 22/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã có Biên bản làm việc với các thừa kế thể hiện: Anh N, chị H, anh H (người đại diện theo ủy quyền của bà Th và anh O) không yêu cầu Tòa thành lập Hội đồng định giá và thống nhất tự xác định giá đất ở của thửa đất là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng)/m², giá đất vườn là 121.680 đồng (Một trăm hai một nghìn sáu trăm tám mươi đồng)/m², căn nhà cấp 4 ông K để lại trên đất có giá trị 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Ngày 04/10/2020, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã ban hành Quyết định số 04 với nội dung: Yêu cầu anh Nguyễn Văn O xuất trình toàn bộ chứng cứ chứng minh anh Nguyễn Văn O là con đẻ của ông Nguyễn Văn K, song anh O có văn bản hồi đáp cho rằng anh là con trong thời kỳ hôn nhân giữa ông K và bà Th nên anh đương nhiên là con của ông K và bà Th mà không phải có nghĩa vụ chứng minh gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thẩm định theo quy định. Quá trình xác minh thể hiện diện tích đất thực tế tăng so với GCNQSD đất và được UBND phường Th cùng các hộ giáp ranh xác định phần đất tăng thêm không nằm trong quy hoạch, không tranh chấp cùng ai.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ gì mới và vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện: Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 169, tờ bản đồ 49, diện tích 80,2m² ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ hiện đứng tên hộ bà Bùi Thị L trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xác định anh Nguyễn Văn O là con đẻ của ông Nguyễn Văn K do khi thay đổi hồ sơ Giấy khai sinh anh O không biết gì, việc thay đổi là bà Th tự thực hiện; sau này anh O biết thì mọi việc đã thực hiện xong, tuy anh O cũng không có ý kiến gì nhưng việc thay đổi trong Giấy khai sinh không phải là lỗi của anh O; xác định tài sản thừa kế của ông K để lại là: Thửa

đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích 68,7m² hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và thửa đất số 169, tờ bản đồ 49, diện tích 80,2m² hiện đứng tên hộ bà Bùi Thị L trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và chia thừa kế đối với các con của ông K theo quy định của pháp luật. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền cũng đề nghị cho giám định toàn bộ chữ ký của ông Nguyễn Văn K trong hồ sơ cấp GCNQSD đất của hộ bà Bùi Thị L do nghi ngờ chữ ký đó không phải của ông K và đề nghị cho chị Nguyễn Thị L được hưởng thừa kế bằng nhà và đất để có nơi sinh sống ổn định.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thay đổi gì và cũng không xuất trình thêm được chứng cứ gì mới ngoài những chứng cứ đã xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có quan điểm:

+ Về việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không ai có vi phạm gì.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 156, khoản 1 và khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th (người giám hộ của chị L) chia tài sản thừa kế đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích 68,7m².

- Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Bùi Thị L và yêu cầu chia tài sản thừa kế đối với thửa đất số 169, tờ bản đồ 49, diện tích 80,2m².

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất đối với tài sản của ông K gồm có: Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị L.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H trong việc giao cho anh N được quyền sở hữu và sử dụng phần di sản thừa kế của chị H. Anh Nguyễn Văn N không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H do chị H không yêu cầu.

- Giao anh Nguyễn Văn N được quyền sở hữu và sử dụng thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích 68,7m² hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trị giá: 1.099.200.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) và 01 căn nhà trị giá: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Anh N có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị L giá trị phần tài sản chị L được hưởng là 371.400.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn Văn N được hưởng là: 1.114.200.000 đồng (Một tỷ một trăm mười bốn triệu hai trăm nghìn

đồng) - 371.400.000 đồng (Ba trăm bảy một triệu bốn trăm nghìn đồng) = 742.800.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- Tạm giao cho anh Nguyễn Văn N được quản lý 15,2 m² đất tăng thêm so với GCNQSD đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Về án phí + chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho nguyên đơn. Buộc bà Th phải chịu chi phí thẩm định theo quy định. Buộc anh N phải chịu án phí đối với phần thừa kế anh N được nhận từ chị H + chi phí thẩm định theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của anh N, chị H có quan điểm: Thừa đất số 169, tờ bản đồ 49, diện tích 80,2m² hiện đứng tên hộ bà Bùi Thị L trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thuộc quyền sử dụng, định đoạt của anh N và chị L, không thuộc di sản thừa kế. Việc cấp GCNQSD đất cho ông K và chị L là đúng quy định, quá trình cấp đổi GCNQSD đất ông K và chị L đều ký xác nhận mốc giới, giáp ranh cho nhau nên không phải do anh N và chị L tự ý làm thủ tục cấp sổ đỏ. Xác định hàng thừa kế di sản của ông K gồm có: Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị L; không có đủ cơ sở để xác định anh Nguyễn Văn O cùng hàng thừa kế với anh N, chị H và chị L. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Bác đơn khởi kiện của bà Th về việc chia thừa kế đối với thửa đất 169, tờ bản đồ số 49, diện tích 80,2m² đứng tên bà Bùi Thị L do đây là tài sản riêng của ông K đã cho anh N và chị L.

- Chia thừa kế đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích 68,7m² hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ cho anh N, chị H và chị L. Giao quyền sử dụng thửa đất thừa kế này cho anh N do anh N có công sức chăm sóc ông K và được hưởng thêm phần thừa kế của chị H do chị H cho anh N, anh N phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị L theo quy định. Tạm giao cho anh N phần đất tăng thêm 15,2m² và anh N có trách nhiệm làm thủ tục hợp thức đất đai theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Th là người giám hộ của chị Nguyễn Thị L (do chị L bị mất năng lực hành vi dân sự) yêu cầu chia thừa kế đối với khối tài sản ông Nguyễn Văn K để lại là thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích

68,7m² hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và thửa đất số 169, tờ bản đồ 49, diện tích 80,2m² hiện đứng tên hộ bà Bùi Thị L trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đây là vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét tài sản tranh chấp là bất động sản tại khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[3]. Về trình tự tố tụng: Ngay sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã tiến hành lấy lời khai đương sự, hòa giải, thẩm định, công khai chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Th nhận thấy:

[4.1]. Về yêu cầu hủy GCNQSD đất của hộ chị Bùi Thị L: Theo hồ sơ cấp GCNQSD đất thể hiện thửa đất số 169, tờ bản đồ 49, diện tích 80,2m² hiện đứng tên hộ bà Bùi Thị L trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được tách từ thửa đất của ông Nguyễn Văn K. Sau khi tách thửa, ngày 05/8/1991, anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị L cùng ông Nguyễn Văn K đều được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSD đất (ông K thửa 86, tờ bản đồ số 05, diện tích 84m² và vợ chồng chị L thửa 86b, tờ bản đồ số 05, diện tích 84m²). Do Nhà nước làm đường H nên diện tích đất đã bị giảm và đến ngày 27/12/2002, anh Nguyễn Văn N, chị Bùi Thị L được cấp đổi GCNQSD đất với diện tích, số ô, số thửa như hiện nay. Từ khi được cấp GCNQSD đất cho đến nay, gia đình bà Lợi đã xây dựng nhà cửa kiên cố và sinh sống ổn định trên đất, ông K và các con đều biết nhưng không ai có ý kiến phản đối gì. Căn cứ Án lệ số: 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 thì phải xác định anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị L đã được tặng cho quyền sử dụng đất. Ngoài ra, tại Quyết định số: 01/2020/QĐ-TA ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xác định: "Sau khi ông K và bà Th ly hôn diện tích đất được chia đôi theo bản đồ địa chính 299 và diện tích đất của ông K được chia thành hai thửa thể hiện ở bản đồ địa chính sau này. Vào thời điểm năm 1991 tuy không có văn bản nào thể hiện việc ông Nguyễn Văn K có làm hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng đất cho chị Bùi Thị L, nhưng căn cứ vào việc ông K và chị L cùng được cấp GCNQSD đất ngày 05/8/1991, khi 2 bên làm thủ tục cấp đổi GCNQSD đất lần 2 đều có chữ ký giáp ranh của ông K và chị L; quá trình sử dụng đất ông K ở sát đất nhà anh N, chị L nên chứng kiến việc vợ chồng chị L làm nhà riêng, đóng thuế đất hàng năm nên nếu không phải cho chị L đất thì ông K đã có tranh chấp và đòi lại đất. Bản thân chị L, anh N khi làm nhà và ở đó ông K khi

còn sống và các thành viên trong gia đình không có phản đối gì. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo án lệ số: 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 thì tại thời điểm này chưa có cơ sở để hủy GCNQSD đất đã cấp cho hộ chị Bùi Thị L". Sau khi nhận được Quyết định này, các đương sự không ai có ý kiến phản đối gì đồng thời tại cấp sơ thẩm các đương sự không xuất trình thêm được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên yêu cầu này của bà Th, Hội đồng xét xử thấy không có đủ căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu đề nghị xin được giám định chữ ký của ông Nguyễn Văn K trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Bùi Thị L, nhưng lại không xuất trình được căn cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Đồng thời, sau khi Hội đồng xét xử hỏi thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định chỉ yêu cầu Tòa xem xét hủy GCNQSD đất của hộ bà Bùi Thị L do vợ chồng anh N tự ý làm thủ tục cấp GCNQSD đất. Đối với yêu cầu này, như đã phân tích ở trên, áp dụng Án lệ số: 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 thì phải xác định anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị L đã được tặng cho quyền sử dụng đất. Vì lẽ đó, việc giám định chữ ký của ông Nguyễn Văn K (nếu có) là không cần thiết và không thay đổi được bản chất việc anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị L được xác định quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 169, tờ bản đồ 49, diện tích 80,2m² ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[4.2]. Về tài sản chia thừa kế:

Ông Nguyễn Văn K chết năm 2019, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015, yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Th là người giám hộ của chị Nguyễn Thị L (con đẻ của ông K và bà Th) đối với di sản của ông Nguyễn Văn K để lại là có căn cứ và trong hạn luật định nên cần được chấp nhận.

Bà Th xác định khối tài sản ông Nguyễn Văn K để lại là thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích 68,7m² hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và thửa đất số 169, tờ bản đồ 49, diện tích 80,2m² hiện đứng tên hộ bà Bùi Thị L trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Song như mục [4.1] phân tích, thửa đất số 169, tờ bản đồ 49, diện tích 80,2m² hiện đứng tên hộ bà Bùi Thị L trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là hợp lệ do đó cần xác định khối tài sản của ông Nguyễn Văn K để lại là thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích 68,7m² hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[4.3]. Về hàng thừa kế: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H xác định ông Nguyễn Văn K có 03 (Ba) người con là: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1961 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1963 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1984 còn anh Nguyễn Văn O, sinh năm: 1987 không phải là con của ông Nguyễn Văn K. Bà Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn O không đồng ý với quan điểm này nhưng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh anh O là con của ông K, trong khi tại Quyết định số 2522 ngày 11/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và phần "ghi chú" trong Giấy khai sinh của anh Nguyễn Văn O (tài liệu do chính bà Th nộp khi khởi kiện) lại thể hiện: "Thay đổi, cải chính cha và quê quán trong Giấy khai sinh" "từ: Nguyễn Văn O sinh ngày 12/7/1987, con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1955; quê quán: Ứng Hòa - Hà Tây thành Nguyễn Văn O sinh ngày 12/7/1987, con ông: Nguyễn Văn Báo, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1955; quê quán: Trung Vương - Việt Trì - Phú Thọ".

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Th và người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn O cho rằng: Việc cải chính hộ tịch là do bà Th tự ý làm, anh O khi đó còn bé nên không biết gì nên cần xác định anh O là con đẻ của ông Nguyễn Văn K. Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù khi cải chính hộ tịch anh O còn nhỏ và chưa biết gì, tuy nhiên sau khi thành niên và đi làm, hơn ai hết chính bản thân anh O phải hiểu được nghĩa vụ và quyền khai lý lịch của mình nhưng anh O vẫn không có bất kỳ yêu cầu gì đối với việc này. Bản thân bà Th (mẹ anh O) và người nhận ủy quyền của anh O cũng thừa nhận: Sau khi biết việc hộ tịch bị cải chính anh O cũng không có ý kiến gì. Như vậy, anh O đã mặc nhiên chấp nhận phần "Thay đổi, cải chính cha và quê quán trong Giấy khai sinh" tại Quyết định số 2522 ngày 11/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn O đã từ chối giám định và từ chối nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh anh O là con đẻ của ông Nguyễn Văn K, do đó trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy không có đủ căn cứ để xác định anh Nguyễn Văn O là thừa kế của ông Nguyễn Văn K. Vì lẽ đó, xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn K gồm có: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1961; chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1963 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1984.

[4.4]. Về giá trị thửa đất tranh chấp: Do các đương sự đều không yêu cầu định giá và tự thỏa thuận về giá tài sản tranh chấp là: 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng)/m² đất ở, 121.680 đồng (Một trăm hai một nghìn sáu trăm tám mươi đồng)/m² đất vườn và căn nhà cấp 4 ông K để lại trên đất có giá trị 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Căn cứ khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp, cần được chấp nhận.

[5]. Quá trình xem xét, thẩm định nhận thấy diện tích đất thực tế của thửa đất tranh chấp tăng so với GCNQSD đất, phần đất tăng thêm này không nằm trong quy hoạch, không có tranh chấp gì nên cần được tạm giao cho người sử dụng thửa đất để thực hiện nghĩa vụ với nhà nước theo quy định.

[6]. Như đã phân tích ở trên, khối tài sản của ông Nguyễn Văn K để lại là thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích $68,7\text{m}^2$ hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Diện tích này được chia làm 03 phần (tương ứng với 03 thừa kế), cụ thể: $68,7\text{m}^2 : 3 = 22,9 \text{ m}^2/\text{thừa kế}$. Do thửa đất toàn bộ là đất ở nên phần đất mỗi thừa kế được hưởng tương ứng với mức giá: $22,9 \text{ m}^2 \times 16.000.000$ đồng (Mười sáu triệu đồng) = 366.400.000 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Mặt khác, trên đất có 01 căn nhà trị giá: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) nên giá trị tài sản mỗi thừa kế được hưởng là: 366.400.000 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) + 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) = 371.400.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Chị H xác định giao phần thừa kế của mình cho anh N sử dụng nên anh N được hưởng 02 phần thừa kế = $(22,9 \text{ m}^2 \times 2) \times 16.000.000$ đồng (Mười sáu triệu đồng) + 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) = 742.800.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng), anh N không phải thanh toán lại tiền chênh lệch tài sản cho chị H do chị H không yêu cầu.

[7]. Theo quy định tại Điều 6 Quyết định số: 12/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, thì thửa đất ở chỉ được tách thửa khi diện tích của các thửa đất hình thành sau khi tách từ thửa đất đó không nhỏ hơn 50m^2 nên việc phân chia thừa kế phải đảm bảo cho quá trình tách thửa sau này. Hội đồng xét xử nhận thấy mỗi thừa kế được hưởng $22,9\text{m}^2$ đất; chị Nguyễn Thị L là người khuyết tật và chỉ được hưởng 01 phần tài sản thừa kế còn anh Nguyễn Văn N được hưởng 02 phần tài sản thừa kế nên nếu giao cho chị Nguyễn Thị L được sử dụng toàn bộ tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn K để lại thì nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản mà chị L phải thực hiện đối với anh N là quá lớn. Trong khi thực tế khối tài sản này từ sau khi ông K chết đi đến nay vẫn đang do anh N trông nom, bảo quản nên cần giao cho anh N sử dụng toàn bộ tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn K để lại đồng thời anh N phải có nghĩa vụ thanh toán phần thừa kế của chị Nguyễn Thị L cho chị L theo quy định là phù hợp. Tạm giao cho anh Nguyễn Văn N được quản lý $15,2 \text{ m}^2$ đất tăng thêm so với GCNQSD đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đồng thời anh N có nghĩa vụ thực hiện mọi kê khai về đất đai đối với Nhà nước theo quy định.

[8]. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) trong đó chi phí đo đạc mỗi thửa đất là 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng), chi phí thẩm định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Th (là người giám hộ của chị Nguyễn Thị L) được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên phải chịu phần chi phí đối với phần không được chấp nhận và phần thừa kế chị L được hưởng, cụ thể: Bà Th phải chịu 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) tiền đo đạc đối với phần đất hộ chị Bùi Thị L vì không thuộc diện tích đất chia thừa kế + 1.366.000 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) phí đo đạc đối với thửa đất của ông Nguyễn Văn K tương ứng với phần chị L được hưởng (1/3) + 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) phí thẩm định. Tổng cộng bà Th phải chịu 5.566.000 đồng (Năm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định.

Anh Nguyễn Văn N phải chịu 2.732.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng) chi phí đo đạc tương ứng với phần thừa kế anh N được hưởng và phần thừa kế anh N được nhận từ chị H + 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) phí thẩm định. Tổng cộng anh N phải chịu 2.932.000 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định.

[9]. Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự đối với phần thừa kế của chị H đã cho anh N và được miễn án phí với phần thừa kế anh N được hưởng do anh N là người cao tuổi. Chị L là người khuyết tật nên được miễn án phí theo quy định.

[10]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp, cần được chấp nhận.

[11]. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn là có căn cứ và phù hợp, cần được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 104, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th (là người giám hộ của chị Nguyễn Thị L) về việc chia thừa kế đối với tài sản của ông Nguyễn Văn K để lại.

[2]. Xác định tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn K để lại gồm có: Thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích 68,7m² hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trị giá: 1.099.200.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi chín triệu

hai trăm nghìn đồng) và 01 căn nhà trên đất trị giá: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Văn K để lại là: 1.114.200.000 đồng (Một tỷ một trăm mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

[3]. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn K gồm có: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1961, chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1963 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1984.

[4]. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H trong việc giao cho anh Nguyễn Văn N được quyền sở hữu và sử dụng phần di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị H. Anh Nguyễn Văn N không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H do chị H không yêu cầu.

[5]. Giao anh Nguyễn Văn N được quyền sở hữu và sử dụng thửa đất số 72, tờ bản đồ 49, diện tích 68,7m² hiện đứng tên ông Nguyễn Văn K trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trị giá: 1.099.200.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) và 01 căn nhà trên đất trị giá: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo các chỉ giới: 2,3,4,5,6,7,2 (có sơ đồ kèm theo).

Anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị Th là người giám hộ) giá trị phần tài sản thừa kế chị L được hưởng là 371.400.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn Văn N được hưởng là: 1.114.200.000 đồng (Một tỷ một trăm mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) - 371.400.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) = 742.800.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Tạm giao cho anh Nguyễn Văn N được quản lý 15,2 m² đất tăng thêm so với GCNQSD đất ở khu Đồi Cam 1, phường Th, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo chỉ giới: 1,2,7,8,9,1 (có sơ đồ kèm theo). Anh N có nghĩa vụ thực hiện mọi kê khai về đất đai đối với Nhà nước theo quy định.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6]. Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 155, khoản 2 Điều 156, khoản 1 và khoản 2 Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

Bà Nguyễn Thị Th (là người giám hộ của chị Nguyễn Thị L) phải chịu 5.566.000 đồng (Năm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định. Xác nhận bà Nguyễn Thị Th đã nộp chi phí xem xét thẩm định theo

Biên bản thu tạm ứng chi phí tố tụng ngày 18/01/2021 và Biên bản trả tạm ứng chi phí tố tụng ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

Anh Nguyễn Văn N phải chịu 2.932.000 đồng (Hai triệu chín trăm ba hai nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định. Xác nhận anh Nguyễn Văn N đã nộp chi phí xem xét, thẩm định theo Biên bản thu tạm ứng chi phí tố tụng ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị L (bà Nguyễn Thị Th là người giám hộ) do chị L là người khuyết tật. Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị Th 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0004201 ngày 27/4/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Anh Nguyễn Văn N phải chịu 33.712.000 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

[9]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Việt Trì;
- Cục THSDA tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS thành phố Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hoa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA